

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 09-6-2020
Về việc: “Ly hôn giữa chị B với anh Đ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.
2. Bà Võ Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 618/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần Thị B**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Th 3, xã Bình Th, huyện B, tỉnh T.

* Bị đơn: **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Th 3, xã Bình Th, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09 tháng 10 năm 2019, bản tự khai ngày 16/01/2020, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị B trình bày:

Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Th, huyện B, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/1998. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến đầu năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Nguyễn Hữu Đ có mối quan hệ tình cảm với người khác. Từ đó, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, không thể hàn gắn được, mất dần hạnh phúc. Chị B cố gắng hàn gắn, thuyết phục anh Đ để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Hiện tại, chị B không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nữa.

Tại tòa, chị Trần Thị B yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng Ng Ch, sinh ngày 24/9/1998; Nguyễn Hoàng Thanh Tr, sinh ngày 16/10/2000; Nguyễn Hoàng Như Ng, sinh ngày 20/8/2005. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ng, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Hữu Đ từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm trong vụ án ly hôn giữa chị Trần Thị B với anh Nguyễn Hữu Đ, từ đó chứng tỏ anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị B

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi

thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Trần Thị B thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Nguyễn Hữu Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị B đối với anh Nguyễn Hữu Đ.

Về con chung: Chị Trần Thị B được tiếp tục nuôi con chung tên là Nguyễn Hoàng Như Ng, sinh ngày 20/8/2005. Riêng cháu Nguyễn Hoàng Ng Ch, Nguyễn Hoàng Thanh Tr đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị B về việc không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B khai không có, anh Đ cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà anh Đ vắng mặt không có lý do cho nên xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, hai bên có đăng ký kết hôn theo Luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc. Đến đầu năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Nguyễn Hữu Đ có mối quan hệ tình cảm với người

khác, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay. Hiện tại, chị B và anh Đ ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Đ đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng Ng Ch, sinh ngày 24/9/1998; Nguyễn Hoàng Thanh Tr, sinh ngày 16/10/2000; Nguyễn Hoàng Như Ng, sinh ngày 20/8/2005. Cháu Ch và cháu Tr đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Riêng cháu Nguyễn Hoàng Như Ng chưa thành niên, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ng, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ vắng mặt, không có ý kiến gì nên giao cháu Ng cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị B khai không có, anh Đ vắng mặt cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị B phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị B với anh Nguyễn Hữu Đ.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Như Ng, sinh ngày 20/8/2005 cho chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị B không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ

cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị B trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007932 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, chị B đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn Trần Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Nguyễn Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B.
- UBND xã Bình Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B.
- UBND xã Bình Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hương

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN